

Số: 3116 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (nơi có địa chỉ vùng trồng, cơ sở đóng gói) trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị Quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính

được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 599/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có địa chỉ vùng trồng, cơ sở đóng gói) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (đính kèm Phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung quy định tại số thứ tự 01, mục 1, Phần 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB tỉnh: CVP, PCVP N.X.Hải;
- Trung tâm CB và Công TTĐT tỉnh;
- TTPVHCC tỉnh: LĐ, các Phòng;
- Lưu: VT, NTL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hà



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ
THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3116 /QĐ-UBND ngày 27 /8 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (CẤP XÃ)

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (Cấp xã)				
1	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói Mã số TTHC: 1.014776	- Đối với trường hợp không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Đối với trường hợp đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số hoặc trường hợp đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh	Không	- Điều 64 Luật Trồng trọt năm 2018. - Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Quy định nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. - Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do việc thay đổi địa giới hành chính: 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn đề nghị cấp lại.			- Quyết định số 3072/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (CẤP XÃ)

I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

1. TTHC Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp mã số vùng trồng hoặc mã số cơ sở đóng gói đến Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có địa chỉ vùng trồng, cơ sở đóng gói) thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Xem xét, giải quyết hồ sơ

a) Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Thông báo cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói theo Mẫu tại Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số:

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra và ban hành Thông báo cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói theo Mẫu tại Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP; phê duyệt ngay mã số đối với trường hợp nước nhập khẩu đồng ý để cơ quan có thẩm quyền Việt Nam tự phê duyệt; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung kiểm tra bao gồm kiểm tra thông tin kê khai trong hồ sơ và việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của nước nhập khẩu; lập Biên bản kiểm tra theo Mẫu tại Phụ lục VI (đối với vùng trồng) hoặc Phụ lục VII (đối với cơ sở đóng gói) ban hành kèm theo Nghị quyết 36/2026/NQ-CP.

Đối với trường hợp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phải được nước nhập khẩu phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, gửi danh sách về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có Thông báo cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, gửi nước nhập khẩu xem xét, phê duyệt; trường hợp nước nhập khẩu có yêu cầu khác về thời gian gửi danh sách này thì thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

c) Đối với trường hợp vùng trồng, cơ sở đóng gói đã được cấp mã số muốn đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu nộp đơn theo Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP; trình tự thực hiện theo điểm a, điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP nhưng giữ nguyên mã số đã được cấp trong Thông báo cấp/cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

d) Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do thay đổi địa giới hành chính

Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đơn đề nghị cấp lại của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hồ sơ lưu trữ, xem xét và thông báo cho tổ chức, cá nhân theo Mẫu tại Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trường hợp Công dịch vụ công quốc gia gặp sự cố không thể tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên môi trường mạng hoặc tổ chức, cá nhân không thể nộp hồ sơ trên môi trường mạng, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ bằng bản giấy (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính); việc cấp mã số được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP và thông tin phải được cập nhật lên Cổng dịch vụ công quốc gia ngay sau khi Cổng dịch vụ công quốc gia hoạt động bình thường.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố không thể tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên môi trường mạng hoặc tổ chức, cá nhân không thể nộp hồ sơ trên môi trường mạng thì nộp hồ sơ trực tiếp bằng bản giấy hoặc qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đối với đề nghị cấp mã số vùng trồng hoặc đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu:

Đơn đề nghị cấp mã số vùng trồng theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP.

b) Đối với đề nghị cấp mã số cơ sở đóng gói hoặc đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu:

Đơn đề nghị cấp mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP.

c) Đối với trường hợp đề nghị cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói

Đơn đề nghị cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Đối với trường hợp đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số hoặc trường hợp đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do việc thay đổi địa giới hành chính: 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn đề nghị cấp lại.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo cấp/cấp lại mã số vùng trồng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP.

- Thông báo cấp/cấp lại mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp mã số vùng trồng theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP.

- Đơn đề nghị cấp mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP.

- Đơn đề nghị cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Yêu cầu kỹ thuật đối với vùng trồng đề nghị cấp mã số

- Có quy trình sản xuất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương hoặc địa phương.

- Có hồ sơ ghi chép và lưu trữ các thông tin liên quan đến quy trình sản xuất, thu hoạch sản phẩm.

- Đối với vùng trồng phục vụ xuất khẩu, ngoài việc đáp ứng các yêu cầu quy định nêu trên phải tuân thủ yêu cầu về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu.

b) Yêu cầu kỹ thuật đối với cơ sở đóng gói

- Có địa điểm cụ thể, diện tích phù hợp với quy mô hoạt động; nhà xưởng được bố trí theo nguyên tắc một chiều và phân khu chức năng riêng biệt; có nguồn điện, nước sạch, hệ thống thoát nước.

- Có trang thiết bị, dụng cụ phục vụ tiếp nhận, phân loại, sơ chế, đóng gói và bảo quản sản phẩm; có quy trình đóng gói; có biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại.

- Có hồ sơ ghi chép và lưu trữ các thông tin liên quan đến nguồn gốc sản phẩm cây trồng, quá trình thực hiện đóng gói, xuất khẩu hoặc tiêu thụ sản phẩm; hồ sơ kiểm soát sinh vật gây hại, hồ sơ theo dõi vệ sinh cơ sở đóng gói, hồ sơ về nhân sự, tập huấn nội bộ, hồ sơ sử dụng hóa chất.

- Đối với cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu, ngoài việc đáp ứng các yêu cầu quy định nêu trên phải tuân thủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 64 Luật Trồng trọt năm 2018.

- Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.

- Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

- Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

Phụ lục I
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG
(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày 27 tháng 8.. năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG

Kính gửi:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đối với trường hợp tổ chức đề nghị cấp mã số:

- Tên tổ chức đề nghị cấp mã số:
- Địa chỉ:
- Mã định danh hoặc mã số thuế của tổ chức:
- Người đại diện:
- Điện thoại: Email:

2. Đối với trường hợp cá nhân/hộ gia đình/nhóm hộ gia đình đề nghị cấp mã số:

- Họ và tên người đại diện đề nghị cấp mã số:.....
- Số Căn cước công dân (của người đại diện đề nghị cấp mã số)..... ngày cấp cơ quan cấp
- Điện thoại: Email:
- Địa chỉ:

II. MÔ TẢ VỀ VÙNG TRỒNG

1. Tên vùng trồng đề nghị cấp mã số:.....

2. Địa chỉ vùng trồng (ghi theo địa chỉ hành chính):

Tổ chức cá nhân kê khai một trong các trường thông tin sau:

- Mã số định danh thửa đất:.....

(nếu có nhiều thửa đất thì ghi đầy đủ mã số định danh từng thửa đất kèm diện tích mỗi thửa hoặc nộp kèm theo đơn).

Hoặc

- Số thứ tự thửa đất:; Số tờ bản đồ:

(Trường hợp không có thông tin mã số định danh thửa đất; nếu có nhiều thửa đất thì ghi đầy đủ số thứ tự từng thửa đất, số tờ bản đồ kèm diện tích mỗi thửa hoặc nộp kèm theo đơn)

Hoặc

- Vị trí thửa đất

(Tổ chức/cá nhân tự kê khai trong trường hợp không có thông tin mã số định danh thửa đất, số thứ tự thửa đất hoặc số tờ bản đồ; nếu có nhiều thửa đất thì kê khai vị trí từng thửa kèm diện tích hoặc nộp kèm theo đơn).

3. Tên cây trồng:

4. Tên giống cây trồng:.....

5. Tuổi cây (áp dụng với cây lâu năm):

6. Diện tích cây trồng (ha):.....

7. Thời gian thu hoạch dự kiến: từ tháng đến tháng.....

8. Sản lượng dự kiến (tấn/ha/năm):

9. Số hộ tham gia vùng trồng:

(Trường hợp có nhiều hộ tham gia thì liệt kê theo danh sách và diện tích của từng hộ tham gia hoặc nộp kèm theo Đơn đề nghị).

10. Quy trình sản xuất đang áp dụng (mô tả theo thực tế):.....

11. Hồ sơ ghi chép và lưu giữ thông tin liên quan đến quy trình sản xuất:

Có ☐ Không ☐

12. Đăng ký tham gia xuất khẩu: Có ☐ Không ☐

Trường hợp chọn có thì chọn tiếp các nước đăng ký xuất khẩu cụ thể.

☐ Cam kết đã tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của thị trường xuất khẩu đăng ký cấp mã số vùng trồng.

Chúng tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Quý cơ quan cấp mã số cho vùng trồng.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI
(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

Kính gửi:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đối với trường hợp tổ chức đề nghị cấp mã số:

- Tên tổ chức đề nghị cấp mã số:
- Địa chỉ:
- Mã định danh hoặc mã số thuế của tổ chức:
- Người đại diện:
- Điện thoại: Email:

2. Đối với trường hợp cá nhân/hộ gia đình/nhóm hộ gia đình đề nghị cấp mã số:

- Họ và tên người đại diện đề nghị cấp mã số:.....
- Số Căn cước công dân (của người đại diện đề nghị cấp mã số)..... ngày cấp cơ quan cấp
- Điện thoại: Email:
- Địa chỉ:

II. MÔ TẢ VỀ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

1. Tên cơ sở đóng gói đề nghị cấp mã số:.....

2. Địa chỉ cơ sở đóng gói:

3. Tổng diện tích cơ sở đóng gói (m²):

☐ Các phân khu chức năng riêng biệt được bố trí theo nguyên tắc một chiều, đảm bảo không lây nhiễm chéo.

☐ Có nguồn điện, nước sạch, hệ thống thoát nước.

☐ Có trang thiết bị, dụng cụ phục vụ tiếp nhận, phân loại, sơ chế, đóng gói và bảo quản sản phẩm.

☐ Có biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại.

4. Công suất đóng gói (tấn/ngày):

5. Sản phẩm đăng ký mã số cơ sở đóng gói:

6. Đăng ký tham gia xuất khẩu: Có ☐ Không ☐

Trường hợp chọn có thì chọn tiếp các nước đăng ký xuất khẩu cụ thể.

7. Quy trình đóng gói: Có ☐ Không ☐

8. Hồ sơ ghi chép và lưu trữ các thông tin liên quan đến nguồn gốc sản phẩm cây trồng, quá trình thực hiện đóng gói, xuất khẩu hoặc tiêu thụ sản phẩm; hồ sơ kiểm soát sinh vật gây hại, hồ sơ theo dõi vệ sinh cơ sở đóng gói, hồ sơ về nhân sự, tập huấn nội bộ, hồ sơ sử dụng hóa chất: Có ☐ Không ☐

Chúng tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Quý cơ quan cấp mã số cho cơ sở đóng gói.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III
THÔNG BÁO CẤP/CẤP LẠI MÃ SỐ VÙNG TRỒNG
(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP XÃ**

Số: /TB-...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO
Về việc cấp/cấp lại mã số vùng trồng

Căn cứ Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói;

Theo đề nghị của(1).

1. Cấp/cấp lại mã số vùng trồng như sau:

- Tên tổ chức/cá nhân:
- Tên vùng trồng:
- Địa chỉ vùng trồng:
- Tên cây trồng:
- Diện tích:
- Mã số vùng trồng (2):
- Thị trường xuất khẩu đã được phê duyệt:

2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm thực hiện các quy định Điều 15 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số ... /2026/NQ-CP ngày thángnăm của Chính phủ quy định

3. Mã số vùng trồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu)

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mã số vùng trồng.

(2) Mã số vùng trồng chỉ được sử dụng để xuất khẩu kể từ ngày được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền.

Phụ lục IV
THÔNG BÁO CẤP/CẤP LẠI MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI
(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-....

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO
Về việc cấp/cấp lại mã số cơ sở đóng gói

Căn cứ Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói;

Theo đề nghị của(1).

1. Cấp/cấp lại mã số cơ sở đóng gói như sau:

- Tên tổ chức/cá nhân:
- Tên cơ sở đóng gói:
- Địa chỉ cơ sở đóng gói:
- Tên sản phẩm cây trồng:
- Diện tích:
- Mã số cơ sở đóng gói (2):
- Thị trường xuất khẩu đã được phê duyệt:

2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm thực hiện các quy định Điều 16 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định

3. Mã số cơ sở đóng gói này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu)

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mã số cơ sở đóng gói.

(2) Mã số cơ sở đóng gói chỉ được sử dụng để xuất khẩu kể từ ngày được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền.

Phụ lục V
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI MÃ SỐ VÙNG TRỒNG/MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI
(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
MÃ SỐ VÙNG TRỒNG/MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

Kính gửi:

1. Thông tin chung

1.1. Đối với trường hợp tổ chức đề nghị cấp lại mã số:

- Tên tổ chức đề nghị cấp lại mã số:
- Địa chỉ:
- Mã định danh hoặc mã số thuế của tổ chức:
- Người đại diện:
- Điện thoại: Email:

1.2. Đối với trường hợp cá nhân/hộ gia đình/nhóm hộ gia đình đề nghị cấp lại mã số:

- Họ và tên người đại diện đề nghị cấp lại mã số:
- Số Căn cước công dân (của người đại diện đề nghị cấp lại mã số)..... ngày cấp cơ quan cấp
- Điện thoại: Email:
- Địa chỉ:

2. Tên vùng trồng/cơ sở đóng gói đề nghị cấp lại mã số:

Địa chỉ vùng trồng/cơ sở đóng gói:

Đã được cấp tại Quyết định/Thông báo số ngày tháng năm
có mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói là

Lý do đề nghị cấp lại: (1)

Tài liệu kèm theo (nếu có):

Chúng tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI MÃ SỐ
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói hoặc thay đổi địa giới hành chính.

Phụ lục VI
BIÊN BẢN KIỂM TRA VÙNG TRỒNG
(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ)

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
KIỂM TRA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA VÙNG TRỒNG

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Đối với trường hợp tổ chức đề nghị cấp mã số:

- Tên tổ chức đề nghị cấp mã số:
- Địa chỉ:
- Mã định danh hoặc mã số thuế của tổ chức:
- Người đại diện:
- Điện thoại: Email:

2. Đối với trường hợp cá nhân/hộ gia đình/nhóm hộ gia đình đề nghị cấp mã số:

- Họ và tên người đại diện đề nghị cấp mã số:.....
- Số Căn cước công dân (của người đại diện đề nghị cấp mã số)..... ngày cấp cơ quan cấp

- Điện thoại: Email:
- Địa chỉ:

3. Tên vùng trồng:

Địa chỉ:

Mã số vùng trồng (nếu có):

Tên sản phẩm cây trồng:

4. Hình thức kiểm tra: Trực tiếp ☐ Trực tuyến ☐

5. Thành phần đoàn kiểm tra:

- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đại diện vùng trồng:

- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

II. KIỂM TRA THỰC TẾ

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		
		Đạt	Không đạt	Diễn giải chi tiết
I	Thông tin đăng ký ban đầu			
1	Diện tích vùng trồng			
2	Số hộ tham gia sản xuất			
3	Giai đoạn sinh trưởng của cây trồng			
4	Thời gian dự kiến thu hoạch			
5	Sản lượng dự kiến thu hoạch			
6	Thông tin khác (nếu có)			
	...			
II	Nội dung đánh giá tại vùng trồng			
1	Quy trình sản xuất			
2	Ghi chép và lưu giữ thông tin			
3	Vị trí vùng trồng (vị trí của từng thửa đất)			
4	Các yêu cầu khác (nếu có)			
	...			

Ghi chú: trường hợp vùng trồng đã có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, VietGap, GlobalGAP và các chứng nhận tương đương thì không kiểm tra các nội dung trùng lặp đã được bên thứ ba đánh giá.

III. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Đạt ☐; Không đạt ☐ (có thể khắc phục/không thể khắc phục)

Nội dung cần khắc phục:

IV. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC KIỂM TRA

.....

Biên bản kiểm tra được lập xong vào hồi ... giờ ... phút ngày .../.../... biên bản đã được đọc lại cho những người nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng

nhau ký tên dưới đây; biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN VÙNG TRỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VII
BIÊN BẢN KIỂM TRA CƠ SỞ ĐÓNG GÓI
(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KIỂM TRA **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____, ngày ... tháng ... năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Đối với trường hợp tổ chức đề nghị cấp mã số:
 - Tên tổ chức đề nghị cấp mã số:
 - Địa chỉ:
 - Mã định danh hoặc mã số thuế của tổ chức:
 - Người đại diện:
 - Điện thoại: Email:
2. Đối với trường hợp cá nhân/hộ gia đình/nhóm hộ gia đình đề nghị cấp mã số:
 - Họ và tên người đại diện đề nghị cấp mã số:.....
 - Số Căn cước công dân (của người đại diện đề nghị cấp mã số)..... ngày cấp cơ quan cấp
 - Điện thoại: Email:
 - Địa chỉ:
 - Mã số cơ sở đóng gói (nếu có):
 - Tên sản phẩm cây trồng:
3. Hình thức kiểm tra: Trực tiếp ☐; Trực tuyến ☐
4. Thành phần đoàn kiểm tra:
 - Ông (bà): Chức vụ:
 - Ông (bà): Chức vụ:
 - Ông (bà): Chức vụ:
5. Đại diện cơ sở đóng gói:
 - Ông (bà): Chức vụ:
 - Ông (bà): Chức vụ:

II. KIỂM TRA THỰC TẾ

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		
		Đạt	Không đạt	Diễn giải chi tiết
I	Thông tin đăng ký ban đầu			
1	Diện tích			
2	Số lượng nhân sự			
3	Sản phẩm cây trồng được đóng gói tại cơ sở			
4	Công suất đóng gói/ngày			
5	Có thay đổi so với đăng ký/đăng ký lần đầu:			
6	Thông tin khác (nếu có)			
	...			
II	Nội dung đánh giá tại cơ sở đóng gói			
1	Cơ sở hạ tầng			
2	Trang thiết bị			
3	Quy trình đóng gói			
4	Người lao động			
5	Ghi chép			
6	Yêu cầu khác (nếu có)			
7				

Ghi chú: trường hợp đã có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, HACCP, GMP, ISO 22000 và các chứng nhận tương đương thì không kiểm tra các nội dung trùng lặp đã được bên thứ ba đánh giá.

III. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Đạt ☐; Không đạt ☐(có thể khắc phục/không thể khắc phục)

Nội dung cần khắc phục:

IV. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC KIỂM TRA

.....
Biên bản kiểm tra được lập xong vào hồi ...giờ ... phút ngày/...../... biên bản đã được đọc lại cho những người nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng nhau ký tên dưới đây; biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG GÓI
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký và ghi rõ họ tên)

